TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2020/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 03 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 14 tháng 01 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 396/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Ông Phan Văn N, sinh ngày 30/10/1989

- Bà Phan Thị N, sinh ngày 10/10/1991

Cùng trú tại: Tổ 13, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn N và bà Phan Thị N kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà chung sống tại tổ 13, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, nhiều lần gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hàn ngắn được. Do đó, ông Phan Văn N, bà Phan Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông N, bà N vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy ông N, bà N thực sự tự nguyện ly hôn và đã

thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông Phan Văn N và bà Phan Thị N xác định vợ chồng ông, bà có 02 con chung tên Phan Văn Anh V, sinh ngày 02/8/2012 và Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2017. Ly hôn, ông N và bà N thống nhất thỏa thuận: ông Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn Anh V, bà Phan Thị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Tuyết N cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà N xác định không có.

[4] Về nợ chung: Ông N và bà N xác định không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ông Phan Văn N và bà Phan Thị N, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn N và bà Phan Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Phan Văn N và bà Phan Thị N về việc nuôi dưỡng con chung như sau: ông Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn Anh V, sinh ngày 02/8/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phan Văn N và bà Phan Thị N xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Phan Văn N và bà Phan Thị N xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình ông Phan Văn N và bà Phan Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông N, bà N đã nộp tại biên lai thu số 0000881 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy ông N, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H
Quận C, TP Đà Nẵng)
(Số 99, quyển số 01/2011)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương